

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ - CP, tình hình sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại tháng 10 và 10 tháng năm 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 01/NQ-CP

1. Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 23 tháng 01 năm 2024 phê duyệt Chương trình hành động của Bộ Công Thương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ. Theo đó, trong năm 2024, Bộ Công Thương được phân công xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 05 Chiến lược.

2. Với tinh thần trách nhiệm cao, ngay sau khi Chương trình hành động được ban hành, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương đã khẩn trương, tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra, cụ thể như sau:

TT	Nhiệm vụ	Cấp trình	Tiến độ
1	Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai thực hiện. Đã có Dự thảo gửi lấy ý kiến và đang tổng hợp các ý kiến của các Bộ/ngành và các địa phương, doanh nghiệp liên quan
2	Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai thực hiện. Đã có Dự thảo gửi lấy ý kiến và đang tổng hợp các ý kiến của các Bộ/ngành và các địa phương, doanh nghiệp liên quan

TT	Nhiệm vụ	Cấp trình	Tiến độ
3	Chiến lược ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai thực hiện. Đã có Dự thảo gửi lấy ý kiến và đang tổng hợp các ý kiến của các Bộ/ngành và các địa phương, doanh nghiệp liên quan
4	Chiến lược ngành ô tô giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai thực hiện. Đã có Dự thảo gửi lấy ý kiến và đang tổng hợp các ý kiến của các Bộ/ngành và các địa phương, doanh nghiệp liên quan
5	Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thủ tướng Chính phủ	Đang triển khai thực hiện

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước

Năm 2024, phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung và ngành Công Thương nói riêng tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thế giới được dự báo tiếp tục có những chuyển biến lớn và khó lường với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Kinh tế toàn cầu dự báo tiếp tục đối mặt với những thách thức từ tăng trưởng yếu và lạm phát tăng cao, tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại chủ yếu do việc thắt chặt chính sách tiền tệ được thực hiện trong hai năm qua. Sự bất ổn, không chắc chắn của kinh tế toàn cầu đang ở mức cao nhất trong nhiều năm, tác động đến ổn định kinh tế vĩ mô và triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế có độ mở lớn của nước ta trong thời gian tới. Xu hướng phi toàn cầu hoá đang trở lại mạnh mẽ, chính sách bảo hộ xuất hiện trở lại ở nhiều nước dưới các hình thức khác nhau. Các nước phát triển càng ngày càng quan tâm nhiều đến các vấn đề an toàn cho người tiêu dùng, phát triển bền vững, chống biến đổi khí hậu, từ đó dựng lên những tiêu chuẩn và quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường đối với các sản phẩm nhập khẩu (dự luật chống phá rừng, CBAM của EU; Mỹ nâng cao và gắn các tiêu chuẩn lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ... với thương mại); Xu hướng dịch chuyển nguồn cung về gần thị trường tiêu thụ để giảm thiểu các rủi ro gián đoạn nguồn hàng ngày càng rõ nét. Xu hướng phát triển kinh tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế số ngày càng rõ nét và đang định hình lại các hình thức, loại hình dự án FDI trên toàn cầu. Việc các nước đang tiến tới áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu có thể ảnh hưởng nhất định đến dòng vốn đầu tư trực tiếp toàn cầu và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài

của mỗi nước. Đồng thời, đầu tư toàn cầu có xu hướng dịch chuyển mạnh sang lĩnh vực kỹ thuật số, các công ty đa quốc gia trong lĩnh vực kỹ thuật số đang phát triển nhanh và thay đổi bản chất của đầu tư xuyên biên giới. Cùng với quá trình hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp Việt Nam đang khai thác có hiệu quả các Hiệp định FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới, kim ngạch xuất khẩu nhập khẩu của nước ta đã và sẽ tiếp tục có nhiều cơ hội và cả sức ép cạnh tranh mới...

Ở trong nước, năm 2024 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 với nhiệm vụ nặng nề là phấn đấu cao nhất để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong bối cảnh các năm đầu của kỳ kế hoạch gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid -19 và biến động địa chính trị toàn cầu. Trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh tình hình, Đảng và Chính phủ đã đề ra các định hướng và giải pháp cơ bản nhằm thực hiện mục tiêu của năm 2024 là tiếp tục duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiên trì mục tiêu tăng trưởng, đảm bảo các cân đối lớn, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và thúc đẩy sản xuất kinh doanh thời gian tới. Các tổ chức quốc tế uy tín tiếp tục đánh giá và dự báo tích cực về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đặt ra thách thức cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong năm 2024.

Trên cơ sở quan điểm, định hướng chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã quán triệt, cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch hành động, đặc biệt là bám sát tình hình biến động của kinh tế thế giới để linh hoạt trong điều hành, tập trung rà soát, tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, nhanh chóng những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm huy động mọi nguồn lực cho phát triển. Tình hình phát triển ngành Công Thương trong 10 tháng năm 2024 như sau:

2. Tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại tháng 10 và 10 tháng năm 2024

2.1. Về sản xuất công nghiệp

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, song với nền tảng vĩ mô ổn định, cùng với các biện pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu được triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, cùng với đà tăng trưởng từ cuối năm 2023 nên sản xuất công nghiệp trong tiếp tục phục hồi nhanh và trên diện rộng, là động lực dẫn dắt cho tăng trưởng. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 10 đạt 51,2 điểm, tăng so với mức 47,3 điểm trong tháng 9, cho thấy sản xuất công nghiệp đã phục hồi nhanh sau bão số 3; sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng theo thông lệ cuối năm. Cụ thể như sau:

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) **tháng 10/2024** ước tăng 4,0% so với tháng trước¹ và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,0%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,9%; riêng ngành khai khoáng giảm 10,4%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, IIP ước tính tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,5%), đóng góp 8,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,3%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,5%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7,2%, làm giảm 1,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 10 tháng năm 2024 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp 2 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 26,3%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 24,8%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 16,0%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 14,6%; sản xuất xe có động cơ tăng 14,0%; dệt tăng 12,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 11,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 8,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 7,5%. **Ở chiều ngược lại,** chỉ số IIP của một số ngành tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 3,0%; sản xuất đồ uống tăng 0,9%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 11,8%; khai thác than cứng và than non giảm 5,9%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 3,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 0,4%.

Sản xuất công nghiệp nhìn chung tăng trên diện rộng với 59/63 địa phương có chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng tăng so với cùng kỳ năm trước, (04 địa phương có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước, gồm Gia Lai, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Lạng Sơn).

Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện; ngành khai khoáng tăng cao. Trong đó: (i) Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Lai Châu tăng 43,9%; Phú Thọ tăng 40,7%; Bắc Giang tăng 27,7%; Thanh Hóa tăng 19,5%; Quảng Nam tăng 19,3%; Trà Vinh tăng 6,6%; Điện Biên tăng 5,7%; (ii) Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao như: Khánh Hòa tăng 175,2%; Điện Biên tăng 57,1%; Cao Bằng tăng 48,5%; Trà Vinh tăng 48,3%; Lai Châu

¹ Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP tháng 10/2024 so với tháng trước của một số địa phương có quy mô công nghiệp lớn là: Quảng Ninh tăng 25,2%; Hải Phòng tăng 19,8%; Bắc Giang tăng 7,0%; Vĩnh Phúc tăng 5,8%; Bình Dương tăng 4,9%; Quảng Nam tăng 3,8%; Thái Nguyên tăng 3,5%; Cần Thơ tăng 2,7%; Hải Dương tăng 2,6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,6%; Quảng Ngãi tăng 1,5%; Đà Nẵng và Đồng Nai cùng tăng 1,1%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 5,6%; Bắc Ninh giảm 6,8%.

tăng 42,7%; Sơn La tăng 39,6%; Thanh Hóa tăng 21,9%; (iii) Địa phương có chỉ số của ngành khai khoáng tăng cao: Cao Bằng tăng 30,0%; Thanh Hóa tăng 14,0%; Trà Vinh tăng 6,0%.

Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm. Trong đó: (i) Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng thấp hoặc giảm là: Bạc Liêu tăng 4,9%; Đắk Nông tăng 2,8%; Hà Tĩnh giảm 5,3%; Gia Lai giảm 1,8%; Quảng Ngãi giảm 1,6%; (ii) Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng thấp hoặc giảm: Quảng Trị tăng 2,3%; Bạc Liêu tăng 0,7%; Lạng Sơn giảm 16,7%; Quảng Ngãi giảm 8,6%; Lâm Đồng giảm 5,0%; Gia Lai giảm 1,5%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 10 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước: Thép thanh, thép góc tăng 21,8%; xăng dầu tăng 17,6%; thép cán tăng 16,4%; ô tô tăng 15,8%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 15,0%; đường kính tăng 14,5%; sữa bột tăng 12,8%; phân hỗn hợp NPK tăng 11,5%. *Ở chiều ngược lại*, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 17,3%; khí hóa lỏng LPG giảm 14,6%; than (than sạch) giảm 5,9%; dầu mỏ thô khai thác giảm 5,8%; điện thoại di động giảm 5,6%; bia giảm 2,6%; alumin giảm 1,9%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2024 tăng 1,0% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 5,7% so với cùng thời điểm năm trước cho thấy rõ hơn sự phục hồi trong sản xuất của các doanh nghiệp.

2.2. Về tình hình cung ứng điện tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Tổng sản lượng điện toàn hệ thống điện quốc gia trong tháng 10 năm 2024 đạt 25,87 tỷ kWh (bao gồm sản lượng điện mặt trời mái nhà bán vào hệ thống, điện nhập khẩu), cao hơn 7,0% so với cùng kỳ năm 2023. Lũy kế 10 tháng năm 2024, tổng sản lượng điện toàn hệ thống điện quốc gia đạt 258,7 tỷ kWh, cao hơn 10,56% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 83,3% so với kế hoạch năm (310,6 tỷ kWh) được phê duyệt tại Quyết định số 924/QĐ-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024.

Trong giai đoạn tháng 9 và tháng 10, do ảnh hưởng bởi diễn biến thời tiết xuất hiện nhiều cơn bão, gây mưa lũ diện rộng khiến lưu lượng nước về các hồ thủy điện tăng cao so với trung bình nhiều năm. Một số hồ thủy điện hiện nay mực nước đã tiệm cận mực nước dâng bình thường và tiếp tục vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ. Các nguồn nhiệt điện (than, dầu, khí) được huy động theo nhu cầu vận hành của hệ thống điện, đảm bảo chất lượng điện năng, ổn định hệ thống điện. Các nguồn điện năng lượng tái tạo được huy động theo khả năng hấp thụ của lưới điện. Kết hợp với các giải pháp linh hoạt truyền tải điện năng liên miền, tình hình cung ứng điện từ đầu năm 2024 đến nay đã

được thực hiện tốt, bảo đảm đáp ứng nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân cả nước.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, Bộ Công Thương đã ban hành Thông báo số 372/TB-BCT về việc thực hiện Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia các tháng còn lại của năm 2024. Trong đó, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công Thương, các Tập đoàn, Tổng công ty, chủ đầu tư các nhà máy điện thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để đảm bảo cung cấp điện các tháng còn lại trong năm 2024 và chuẩn bị kế hoạch cung cấp điện năm 2025, tập trung vào các giải pháp, nhiệm vụ như:

- Đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào (điện, than, khí) để phục vụ cho phát điện.
- Các nhà máy điện lập kế hoạch bảo dưỡng, duy tu hợp lý, khắc phục kịp thời sự cố các tổ máy để có thể sẵn sàng phát tối đa công suất.
- Đẩy nhanh tiến độ các công trình về nguồn điện và lưới điện.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện.

2.3. Về xuất nhập khẩu hàng hóa

Với các biện pháp tích cực, đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn để hỗ trợ sản xuất trong nước, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu tiếp tục được triển khai mạnh mẽ nên hoạt động xuất nhập khẩu của nước ta trong thời gian qua tiếp tục phục hồi tích cực, là điểm sáng nổi bật của nền kinh tế.

Trong tháng 10, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa² sơ bộ đạt 69,19 tỷ USD, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 647,87 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 16,8%³. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 23,31 tỷ USD. Cụ thể như sau:

2.3.1. Về xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10/2024 sơ bộ đạt 35,59 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,3 tỷ USD, tăng 9,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 25,29 tỷ USD, tăng 2,4%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 tăng 10,1%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 17,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 7,3%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 335,59 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng trưởng khá cao so với một số nền kinh tế hàng đầu trong khu vực châu Á như: Trung Quốc

² Số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ tháng 10/2024 do Tổng cục Hải quan cung cấp ngày 03/11/2024.

³ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa mười tháng năm 2023 đạt 559,3 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu đạt 292 tỷ USD, giảm 6,8%; nhập khẩu đạt 267,3 tỷ USD, giảm 14,8%.

tăng 4,3%; Hàn Quốc tăng 9,6%; Thái Lan tăng 3,9% (trong 9 tháng đầu năm 2024)...

Trong 10 tháng năm 2024, khu vực kinh tế trong nước đạt 93,97 tỷ USD, tăng 20,7%, chiếm 28,0% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 241,62 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 72,0%. Như vậy, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước cao hơn nhiều so với tăng trưởng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong 10 tháng năm 2024, có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,6% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,5% (10 tháng năm 2023 có 33 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD; 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD).

*** Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu:**

Trong 10 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chính đều đạt mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm ngoái do sự phục hồi ở phía cầu và mức nền tương đối thấp của cùng kỳ năm 2023, trong đó:

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản* sơ bộ 10 tháng đạt 32,2 tỷ USD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 9,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Trong nhóm này, do hưởng lợi bởi giá tăng cao nên kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng tăng cao ở mức hai chữ số so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu tăng 47%; cà phê tăng 39%; gạo tăng 23%; chè các loại tăng 30,3%; rau quả tăng 27,8%; gạo tăng 23,5%; nhân điều tăng 21,4%; cao su tăng 16,4%... (*giá cà phê xuất khẩu trong 10 tháng đạt bình quân 3.981 USD/tấn, tăng 57% so với cùng kỳ năm ngoái; giá hạt tiêu tăng 51,7% lên mức 5.084 USD/tấn; giá gạo tăng 12%, đạt bình quân 626 USD/tấn; giá sản và các sản phẩm từ sản tăng 7,1%; giá cao su tăng 22,1%; giá hạt điều tăng 2,9%*).

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo* cũng phục hồi mạnh trong 10 tháng năm 2024, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước, sơ bộ đạt 284,4 tỷ USD, chiếm 84,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng chủ lực đạt mức tăng trưởng cao ở mức hai con số như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 58,7 tỷ USD, tăng 26,1%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 46,5 tỷ USD, tăng 4,9%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 43 tỷ USD, tăng 21,5%; hàng dệt may đạt 30,6 tỷ USD, tăng 10,5%; giày dép các loại đạt 18,6 tỷ USD, tăng 12,9%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 13,2 tỷ USD, tăng 21,2%; sắt thép tăng 15,1%, đạt gần 8 tỷ USD, tăng 14,7% ...

+ *Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản* 10 tháng ước đạt 3,4 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2023. Đây cũng là nhóm hàng duy nhất có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước.

- *Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2024*: Kim ngạch xuất khẩu tới hầu hết các thị trường, đối tác thương mại lớn của nước ta đều có sự phục hồi tích cực và đạt mức tăng trưởng cao. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 98,4 tỷ USD, chiếm 29,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 15,8%); tiếp đến là thị trường Trung Quốc ước đạt 50,8 tỷ USD, tăng nhẹ 2,1% so với cùng kỳ năm trước; thị trường EU ước đạt 42,3 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 8,9%); Hàn Quốc ước đạt 21 tỷ USD, tăng 6,9% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3,6%); Nhật Bản ước đạt 20,1 tỷ USD, tăng 4,6% (cùng kỳ năm 2023 giảm 3%).

2.3.2. *Về nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2024 sơ bộ đạt 33,6 tỷ USD, tăng 5,8% so với tháng trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 12,68 tỷ USD, tăng 15,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 20,92 tỷ USD, tăng 0,5%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10 tăng 13,6%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 18,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 10,7%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 312,28 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 113,58 tỷ USD, tăng 18,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 198,7 tỷ USD, tăng 15,8%.

Trong 10 tháng năm 2024 có 42 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,1% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 4 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 48,3%).

- Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu:

Cùng với sự phục hồi của sản xuất và xuất khẩu trong 10 tháng năm 2024 nên cơ cấu hàng hóa nhập khẩu cũng có sự chuyển biến khi chiếm 89% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu là nhóm hàng cần nhập khẩu (trong đó bao gồm máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước), với kim ngạch sơ bộ đạt 312,28 tỷ USD, tăng tới 16,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện sơ bộ đạt 88,25 tỷ USD, tăng tới 23,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước chỉ tăng 0,8%); tiếp đến là kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 39,7 tỷ USD, tăng 17% (cùng kỳ năm trước giảm 10,5%). Tương tự, kim ngạch nhập khẩu hầu hết các mặt hàng khác cũng ghi nhận mức tăng khá cao như: thép các loại tăng 23,2%; cao su tăng 30,1%; nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 19,3%; vải các loại tăng 14,7%.

Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần hạn chế nhập khẩu trong 10 tháng sơ bộ đạt gần 17 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ giảm 18%). Trong đó, tăng cao nhất là kim ngạch nhập khẩu hàng điện gia dụng và linh kiện, tăng 19,9%, sơ bộ đạt 1,86 tỷ USD; Linh kiện phụ tùng ô tô dưới 9

chỗ tăng 17,5%; Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh tăng 16,5% và rau quả tăng 15,7%.

- *Về thị trường nhập khẩu hàng hóa:* Trung Quốc là thị trường mà Việt Nam nhập khẩu lượng hàng hóa lớn nhất với kim ngạch nhập khẩu 10 tháng sơ bộ đạt 117,7 tỷ USD, chiếm gần 38% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước và tăng tới 31,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 10,2%); tiếp theo là Hàn Quốc, sơ bộ đạt 46,3 tỷ USD, tăng 7,6% (cùng kỳ giảm 18,6%); khu vực thị trường ASEAN đạt 37,9 tỷ USD, tăng 12,4% (cùng kỳ giảm 14,9%); Nhật Bản đạt gần 18 tỷ USD, tăng 0,2% (cùng kỳ giảm 11,1%); EU đạt 13,8 tỷ USD, tăng 12,2% (cùng kỳ giảm 1,9%); Hoa Kỳ đạt 12,3 tỷ USD, tăng 8,2% (cùng kỳ giảm 6,9%).

2.2.3. Cán cân thương mại hàng hóa

Cán cân thương mại tháng 10/2024 tiếp tục thặng dư khoảng 1,99 tỷ USD, nâng tổng xuất siêu của nước ta trong 10 tháng năm 2024 khoảng 23,31 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 24,8 tỷ USD), góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ lớn cho cán cân thanh toán quốc tế. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,61 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 42,92 tỷ USD.

2.4. Về thị trường trong nước

* *Về tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*

Thị trường hàng hóa tháng 10 không có biến động bất thường, riêng mặt hàng rau xanh do đang trong giai đoạn chuyển vụ chuẩn bị cho rau vụ Đông và do thiệt hại sau mưa bão nên nguồn cung giảm, giá rau xanh tại các tỉnh phía Bắc đã ở mức cao trong giai đoạn đầu tháng, từ cuối tháng, nguồn cung được cải thiện nên giá đã giảm dần. Các mặt hàng thiết yếu khác, nguồn cung ổn định nên giá không có biến động lớn, một số mặt hàng nhóm nhiên liệu năng lượng giá biến động theo giá thế giới như xăng dầu, LPG.

Trong quý I/2024, thị trường chủ yếu tập trung cho công tác phục vụ Tết, với việc chỉ đạo sớm của Chính phủ, các Bộ, địa phương và việc triển khai tích cực việc chuẩn bị nguồn cung hàng hóa thiết yếu cho thị trường của các doanh nghiệp, thị trường hàng hóa luôn được bình ổn, nguồn cung hàng hóa Tết đáp ứng tốt nhu cầu tăng và đa dạng của người dân.

Sang quý II/2024, thị trường tập trung cho việc cung ứng hàng hóa phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân. Nguồn cung các mặt hàng thiết yếu luôn được bảo đảm, giá tương đối bình ổn, riêng mặt hàng thịt lợn, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên nguồn cung giảm trong một số giai đoạn, giá có biến động tăng, tuy nhiên, do có nhiều mặt hàng thực phẩm thay thế nên giá thịt lợn không tăng đột biến.

Trong quý III, một số địa phương ở phía Bắc bị ảnh hưởng của bão, lũ (con bão số 3) gây thiệt hại lớn về người và tài sản, nhiều cơ sở hạ tầng thương

mại bị hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong giai đoạn bão, lũ, do có sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Chính phủ, các Bộ, địa phương nên việc cung ứng hàng hóa bảo đảm đời sống cho người dân được thực hiện khá tốt. Bên cạnh đó, các hoạt động thiện nguyện cũng hỗ trợ tích cực cho công tác cung cấp hàng hóa cho người dân tại các khu vực bị chia cắt. Sau bão, các địa phương đã nhanh chóng sửa chữa, khôi phục lại hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa trong nước, ngày 27 tháng 8 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg về kích cầu tiêu dùng. Thực hiện Chỉ thị nêu trên, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành, địa phương đang tích cực triển khai các nhiệm vụ giải pháp được giao nhằm hỗ trợ cho sản xuất, kinh doanh trong nước và đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2024.

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước thường tăng vào những tháng cuối năm góp phần thúc đẩy tăng trưởng của ngành dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 10/2024 ước đạt 545,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 12,0% và nhóm phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 21,4%.

Tính chung 10 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 5.246,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,8%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,6% (cùng kỳ năm 2023 tăng 7,3%).

Riêng doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng năm 2024 ước đạt 4.048,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,2% tổng mức và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,7%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,0%; may mặc tăng 8,7%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 7,5%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 6,6%. Trong đó, một số địa phương có doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Quảng Ninh tăng 9,6%; Hải Phòng tăng 9,5%; Thừa Thiên - Huế tăng 8,1%; Cần Thơ tăng 7,6%; Đà Nẵng tăng 7,5%.

**** Về công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường***

Trong 10 tháng năm 2024, tình hình vi phạm về kinh doanh hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm về an toàn thực phẩm vẫn diễn biến phức tạp nhất là vào các thời điểm lễ tết, kỳ nghỉ dài ngày do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm của người dân tăng cao, hoạt động sản xuất, vận chuyển, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm trở nên sôi động.

Hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ được đối tượng tập kết tại khu vực biên giới hoặc các kho hàng trung chuyển trên tuyến lưu thông để thâm lậu vào tiêu thụ nội địa. Vi phạm chủ yếu phát hiện đối với nhóm hàng có nhu cầu cao như thời trang, mỹ phẩm, thiết bị điện, thực phẩm.

Đặc biệt, vào dịp chuẩn bị Tết Trung thu, nhiều hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ là các loại thực phẩm, rượu, bia, bánh kẹo, đồ chơi trẻ em, nhất là bánh trung thu... được đưa ra thị trường để tiêu thụ, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng cơn bão số 3 (Yagi) nguồn cung lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân tại một số tỉnh, thành phố còn gặp khó khăn, giá cả một số mặt hàng tăng cao.

Các vụ việc vi phạm đối với thuốc lá điều giảm so với vi phạm về thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng với các hành vi vi phạm chủ yếu như: nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, không rõ chất lượng. Các tỉnh, thành phố đang là điểm nóng về vi phạm đối với mặt hàng này như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Long An, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh... Trong 10 tháng năm 2024, lực lượng QLTT tập trung giám sát, kiểm tra trong lĩnh vực này và phát hiện nhiều vi phạm trên phạm vi cả nước.

Đối với lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT): Trong thời gian qua, số vụ vi phạm và xử lý trên môi trường thương mại điện tử không ngừng gia tăng, với tính chất vi phạm và diễn biến phức tạp. Trong đó, không chỉ là hàng hóa tiêu dùng thông thường, mà nhiều mặt hàng là thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, thuốc chữa bệnh, sản phẩm thuốc lá điện tử bị làm giả với số lượng lớn cũng được kinh doanh trên nền tảng TMĐT, đe dọa trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng. Trong 10 tháng năm 2024, lực lượng QLTT tập trung giám sát, kiểm tra trong lĩnh vực này và phát hiện nhiều vi phạm trên phạm vi cả nước, đa số đối tượng tổ chức kho hàng gần cửa khẩu, thiết lập các điểm livestream tiếp nhận đơn và chuyển hàng đặt ở nhiều địa điểm khác nhau trên cả nước; hàng hóa vi phạm được trà trộn, vận chuyển trong các kiện hàng, sử dụng số điện thoại không chính chủ để giao dịch, mua bán và gửi tới khách hàng thông qua các đơn vị dịch vụ giao nhận, chuyển phát nhanh nên khó phát hiện.

Trong bối cảnh giá vàng trong nước có nhiều biến động, Bộ Công Thương đã bám sát diễn biến tình hình thị trường, chỉ đạo lực lượng QLTT các tỉnh, thành phố quản lý chặt chẽ địa bàn, tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, phát hiện, xử lý nghiêm nhiều vi phạm trên phạm vi cả nước, như tại TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, An Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, góp phần thực hiện hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong quản lý mặt hàng vàng.

Đối với các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới đang hoạt động tại Việt Nam nhưng chưa tuân thủ các quy định của pháp luật (như Temu, Shein, 1688), Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các lực lượng chức năng liên quan tăng cường giám sát, phát hiện, xử lý kho hàng, điểm tập kết hàng hóa (nếu có) và thông qua thực tiễn kiểm tra, rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Kết quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường: Trong 10 tháng năm 2024, số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, lĩnh vực y tế, giá, niêm yết giá, tiêu chuẩn đo lường, nhãn hàng hóa được lực lượng QLTT phát hiện giảm so với cùng kỳ năm 2023; các hành vi vi phạm về nguồn gốc xuất xứ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), an toàn thực phẩm, nông nghiệp, đặc biệt, lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Từ ngày 15/9/2024 đến 14/10/2024, lực lượng QLTT đã kiểm tra 6.396 vụ, phát hiện, xử lý 3.610 vụ vi phạm, thu nộp NSNN trên 35 tỷ đồng. Lũy kế từ ngày 15/12/2023 đến 14/10/2024, lực lượng QLTT đã kiểm tra 61.079 vụ, phát hiện, xử lý 41.725 vụ vi phạm. Tổng số tiền xử lý là 777 tỷ đồng (tăng 19% so với cùng kỳ năm 2023). Trong đó, xử phạt vi phạm hành chính 404 tỷ đồng (tăng 9%), trị giá hàng hóa tịch thu gần 187 tỷ đồng (tăng 9%), trị giá hàng hóa buộc tiêu hủy trên 186 tỷ đồng (tăng 69%), thu nộp ngân sách nhà nước 479 tỷ đồng (tăng 11%).

3. Công tác quản lý mặt hàng xăng dầu trong 10 tháng năm 2024

3.1. Công tác đảm bảo nguồn cung mặt hàng xăng dầu cho thị trường trong nước

Bộ Công Thương luôn theo dõi sát diễn biến thị trường xăng dầu trong nước và thế giới để kịp thời chỉ đạo hoặc kiến nghị các cơ quan chức năng những giải pháp nhằm bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường. Ngày 28/8/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Chỉ thị số 09/CT-BCT về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về xăng dầu, bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt của người dân.

Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong các tháng cuối năm 2024 về cơ bản được đảm bảo.

3.2. Công tác điều hành giá xăng dầu

Thời gian qua, Bộ Công Thương luôn phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, thực hiện nhất quán, đúng quy định (trong việc tính toán, xác định, điều hành giá) tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để điều hành giá xăng dầu trong nước phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới; sử dụng công cụ Quỹ Bình ổn giá nhằm hạn chế mức biến động mạnh của giá xăng dầu trong nước so với biến động của giá thế giới (khi giá xăng dầu thế giới biến động tăng cao), góp phần thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi kinh tế, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh và sử dụng xăng dầu.

Qua 03 lần điều chỉnh giá (ngày 02/10, 11/10 và 23/10/2024), giá bán lẻ các mặt hàng xăng dầu tháng 10/2024 (tại kỳ điều hành ngày 23/10/2024) được điều chỉnh so với tháng trước (tại kỳ điều hành ngày 21/9/2024) như sau: Xăng E5RON92 không cao hơn 22.365 đồng/lít; Xăng RON95-III không cao hơn 23.513 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S không cao hơn 22.489 đồng/lít; Dầu hỏa không cao hơn 22.753 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S không cao hơn 16.613 đồng/kg.

Về quỹ bình ổn xăng dầu: Tại kỳ điều hành ngày 23/10/2024, không thực hiện trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn đối với các mặt hàng xăng, dầu hỏa, dầu diesel và dầu mazut.

5. Tình hình đàm phán, ký kết các Hiệp định Thương mại tự do

*** Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Việt Nam – UAE (Hiệp định CEPA)**

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại Dubai, trước sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Phạm Minh Chính và Phó Tổng thống kiêm Thủ tướng UAE Mohammed bin Rashid Al Maktoum, Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam Nguyễn Hồng Diên đã cùng Quốc vụ khanh Bộ Kinh tế UAE Thani bin Ahmed Al Zeyoudi ký Hiệp định CEPA giữa hai nước. CEPA là Hiệp định thương mại tự do đầu tiên Việt Nam ký với một nước Ả-rập, mở ra thời kỳ mới trong quan hệ được nâng cấp và ngày càng đi vào thực chất giữa Việt Nam với UAE nói riêng cũng như các nước Ả-rập nói chung.

Hiệp định CEPA được ký kết trong bối cảnh quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và UAE đang phát triển mạnh mẽ. Việc ký kết Hiệp định sau khoảng thời gian hơn một năm đàm phán với 5 phiên đàm phán chính thức, trong đó có 3 phiên trực tiếp ở cấp Bộ trưởng, là minh chứng rõ rệt cho cam kết đưa hợp tác thương mại - đầu tư giữa hai bên lên một tầm cao mới.

*** Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – I-xra-en (VIFTA)**

Sau khi Hiệp định được ký kết vào ngày 25 tháng 7 năm 2023, Chính phủ Việt Nam đã chính thức phê duyệt Hiệp định VIFTA tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc phê duyệt Hiệp định VIFTA.

Ngày 14 tháng 10 năm 2024, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 190/NQ-CP về việc ấn định thời điểm có hiệu lực của Hiệp định VIFTA là ngày 15 tháng 10 năm 2024. Bộ Công Thương đang lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan về Kế hoạch thực thi Hiệp định VIFTA của Chính phủ để có cơ sở trình Chính phủ ban hành kế hoạch này theo quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

*** FTA giữa Việt Nam và Hiệp hội Mậu dịch tự do Châu Âu (EFTA)**

Việt Nam và EFTA bắt đầu quá trình đàm phán FTA kể từ năm 2012 và đến nay đã trải qua 16 phiên đàm phán chính thức và nhiều phiên họp trực tuyến trao đổi ở cả cấp Trưởng đoàn và cấp kỹ thuật. Các nội dung đã đạt được thống

nhất bao gồm: Thuận lợi hóa thương mại, Cạnh tranh, Thương mại và Phát triển bền vững, Phòng vệ thương mại, các điều khoản cuối cùng. Hiện tại, 03 vấn đề vướng mắc chính còn tồn đọng trong đàm phán FTA Việt Nam – EFTA là thương mại hàng hóa, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thúc đẩy quá trình đàm phán Hiệp định EFTA. Hiện tại, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ ngành thúc đẩy đàm phán FTA với EFTA.

*** Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA)**

Trong tiến trình hội nhập kinh tế ASEAN, Việt Nam đã hoàn thành nhiều lộ trình cam kết quan trọng, góp phần vào mục tiêu chung của ASEAN, góp phần nâng cao vị thế và tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế. Về thương mại hàng hóa, với việc thực thi Hiệp định ATIGA, đến năm 2018, ta đã đưa thuế nhập khẩu về 0% đối với 98% biểu thuế. Bên cạnh đó, ta đã cùng với các nước ASEAN thúc đẩy các cam kết và các sáng kiến về thuận lợi hóa thương mại và minh bạch như: xây dựng Cơ sở dữ liệu thương mại ASEAN (ATR), thực hiện trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu D thông qua cơ chế Một cửa ASEAN (ASW), xây dựng Cơ chế tham vấn cho doanh nghiệp qua nền tảng ASSIST...

Hiện nay, đàm phán nâng cấp Hiệp định ATIGA là một trong những ưu tiên quan trọng nhất của ASEAN. Do đó, các nước ASEAN nhất trí bố trí nguồn lực cho việc thúc đẩy và hoàn tất cơ bản đàm phán nâng cấp Hiệp định này theo lộ trình đặt ra vào cuối năm 2024. Kể từ khi khởi động đàm phán vào năm 2022, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng phương án và tham gia 10 phiên đàm phán nâng cấp, tập trung vào những vấn đề thương mại hàng hóa truyền thống như minh bạch hóa, xử lý hàng rào phi thuế quan, tạo thuận lợi thương mại để thúc đẩy hơn nữa thương mại nội khối ASEAN, cũng như những vấn đề mới nổi nhằm đảm bảo Hiệp định trở thành một hiệp định thương mại hiện đại, hướng tới tương lai, đáp ứng tình hình mới của khu vực và toàn cầu.

Cho đến nay, sau 12 phiên đàm phán, hiện nay các nước đã hoàn thành phần lớn công việc đàm phán, trong đó đã kết thúc đàm phán 03 Chương gồm: (i) Chương Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME); (ii) Chương Hợp tác Kinh tế Kỹ thuật (ECOTECH); (iii) Chương Các ngoại lệ chung và ngoại lệ an ninh. Ngoài ra, 03 Chương đã kết thúc cơ bản đàm phán gồm: (i) Chương Thủ tục hải quan và Tạo thuận lợi thương mại, (ii) Chương Thương mại và Môi trường và (iii) Chương Tiêu chuẩn, Quy chuẩn và Quy trình đánh giá sự phù hợp. Theo kế hoạch đàm phán, các nước dự kiến sẽ kết thúc cơ bản đàm phán vào cuối năm 2024 và hướng tới ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định ATIGA vào năm 2025.

*** Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA)**

Hiệp định ACFTA được khởi động đàm phán nâng cấp từ cuối năm 2022. Việc kết thúc cơ bản đàm phán nâng cấp FTA ASEAN - Trung Quốc trong năm 2024 là một trong những sáng kiến ưu tiên kinh tế trong năm Chủ tịch ASEAN do Lào đề xuất.

Đến nay, trải qua năm 9 phiên đàm phán chính thức, Trung Quốc và ASEAN đã kết thúc cơ bản đàm phán nâng cấp Hiệp định ACFTA, trong đó 10 chương của Hiệp định đã kết thúc đàm phán gồm: i) Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại, (ii) Các biện pháp kiểm dịch động thực vật, (iii) Tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp, (iv) Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, (v) Kinh tế số, (vi) Kinh tế xanh, (vii) Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, (viii) Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật, (ix) Các quy định về pháp lý thể chế, và (x) Hợp tác kinh tế - kỹ thuật.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Trung Quốc lần thứ 27 diễn ra vào tháng 10 năm 2024, các nhà Lãnh đạo ASEAN và Trung Quốc đã ra Tuyên bố về việc kết thúc cơ bản đàm phán nâng cấp Hiệp định ACFTA 3.0.

*** Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây- lia - Niu Di-lân (AANZFTA)**

Trong năm 2023, các thành viên của Hiệp định AANZFTA đã kết thúc đàm phán nâng cấp Hiệp định AANZFTA. Nghị định thư thứ hai sửa đổi Hiệp định AANZFTA (NĐT 2) đã bổ sung, nâng cấp 12 Chương gồm: (i) Thương mại hàng hóa, (ii) Quy tắc xuất xứ, (iii) Thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại, (iv) Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp, (v) Thương mại dịch vụ (bao gồm cả phụ lục dịch vụ tài chính và dịch vụ viễn thông), (vi) Di chuyển thể nhân, (vii) Thương mại điện tử, (viii) Đầu tư, (ix) Thương mại và Phát triển bền vững, (x) Cạnh tranh, (xi) Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, (xii) Mua sắm Chính phủ.

Cho đến nay, tất cả các thành viên Hiệp định AANZFTA đã ký NĐT 2 (Về phía Việt Nam, trên cơ sở phê duyệt của Chính phủ tại Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương thay mặt Chính phủ ký NĐT 2 theo hình thức luân phiên vào ngày 25 tháng 1 năm 2024).

Hiện nay, các thành viên Hiệp định AANZFTA đang tích cực triển khai thủ tục để đưa Nghị định thư thứ 2 sửa đổi Hiệp định AANZFTA có hiệu lực vào năm 2024.

*** Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AIFTA)**

Trên cơ sở nhất trí thông qua Tài liệu Phạm vi rà soát Hiệp định AITIGA và kích hoạt Ủy ban Hỗn hợp thực thi Hiệp định AITIGA (AITIGA JC) để triển khai việc rà soát Hiệp định, tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 55, các nước đã thông qua các tài liệu tạo cơ sở cho việc triển khai rà soát Hiệp định AITIGA, bao gồm: Điều khoản tham chiếu cho Ủy ban hỗn hợp Hiệp định AITIGA, Chương trình làm việc và Cấu trúc đàm phán cho việc rà soát Hiệp

định AITIGA, đồng thời ghi nhận thời hạn đề xuất cho việc hoàn tất việc rà soát Hiệp định AITIGA là trong năm 2025.

Về phía Việt Nam, được sự phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế và các Bộ, ngành liên quan thành lập Đoàn đàm phán rà soát, nâng cấp Hiệp định AITIGA và sẽ tham gia đàm phán rà soát, nâng cấp Hiệp định cùng với các nước ASEAN khác và Ấn Độ.

Đến nay, Ủy ban hỗn hợp AITIGA đã họp 05 phiên vào tháng 5, tháng 8/2023 và tháng 02, 05, 07/2024. Các vấn đề Ủy ban thảo luận bao gồm tiếp cận thị trường, quy tắc xuất xứ, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, hình thức pháp lý của Hiệp định, hợp tác kinh tế và kỹ thuật... Phiên đàm phán tiếp theo được tổ chức vào tháng 11 năm 2024 tại Ấn Độ.

**** Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc***

Tính đến tháng 06 năm 2024, Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong công tác thực thi Hiệp định AHKFTA. Hiện nay, sau khi đã hoàn thành đàm phán Nghị định thư thứ nhất sửa đổi Hiệp định AHKFTA (nội dung chính về Quy tắc cụ thể mặt hàng), Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Nghị định thư này theo hình thức luân phiên.

**** Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN-Hàn Quốc (AKFTA)***

Tính đến tháng 06 năm 2024, Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong công tác thực thi Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc (AKTIGA). Về phía Việt Nam, theo đề nghị của Bộ Công Thương, Chính phủ đã phê duyệt Nghị định thư thứ ba sửa đổi AKTIGA tại Nghị quyết số 150/NQ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2023.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang phối hợp các nước thành viên AKFTA để trao đổi về khả năng đàm phán nâng cấp Hiệp định AKTIGA trong thời gian tới. Tuy nhiên, do hạn chế hiện nay về nguồn lực, ASEAN và Hàn Quốc đều cho rằng trong trường hợp các nước đồng ý khởi động đàm phán nâng cấp hiệp định này, thời điểm thích hợp sẽ là sau năm 2026.

**** Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN – Ca-na-đa***

Hiệp định AcAFTA được chính thức khởi động đàm phán tại Hội nghị tham vấn Bộ trưởng Kinh tế ASEAN - Ca-na-đa lần thứ 10 diễn ra vào tháng 11 năm 2021. Tính đến tháng 6 năm 2024, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan tham dự 08 phiên đàm phán Hiệp định AcAFTA, trong đó đã đạt được một số tiến triển trong các lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư nhưng vẫn cần thảo luận thêm về phạm vi, mức độ tham vọng trong đàm phán những lĩnh vực phi truyền thống như lao động, thương mại bao trùm, doanh nghiệp nhà nước và môi trường. Hiện nay, nước ASEAN và Ca-na-đa hướng tới việc kết thúc cơ bản đàm phán Hiệp định AcAFTA vào năm 2025.

6. Về công tác phòng vệ thương mại

- Tiếp tục triển khai công tác hoàn thiện hệ thống pháp lý, thể chế về phòng vệ thương mại. Bộ Công Thương đang rà soát, nghiên cứu, giải trình, hoàn thiện Hồ sơ xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại để trình Chính phủ trong tháng 12 năm 2024.

- Tiếp tục đẩy mạnh, triển khai các chương trình, đề án lớn phục vụ công tác thực thi, sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM để bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất, xuất khẩu trong nước, bao gồm: (i) Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025 (theo Quyết định số 755/QĐ-BCT ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); (ii) Triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (theo Quyết định số 1347/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); (iii) Đề án Tăng cường quản lý Nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ (theo Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ); (iv) Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về PVTM (theo Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); (v) Đề án Nâng cao năng lực PVTM trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); (vi) Đề án Thúc đẩy công tác đề nghị Hoa Kỳ công nhận Việt Nam là quốc gia có nền kinh tế thị trường trong các vụ việc PVTM (theo Quyết định số 1335/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ).

- Công tác khởi kiện, điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM tiếp tục được đẩy mạnh nhằm tạo lập lại môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước trước bối cảnh nhiều hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu bán phá giá hoặc được trợ cấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho một số ngành sản xuất trong nước. Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra 29 vụ việc PVTM và đã áp dụng 22 biện pháp với hàng hóa nhập khẩu. Bộ tiếp tục triển khai công tác điều tra, rà soát các vụ việc PVTM, cụ thể gồm: tiếp tục điều tra, rà soát 07 vụ việc đã khởi xướng trong năm 2023; khởi xướng điều tra 02 vụ việc mới, khởi xướng rà soát 02 vụ việc rà soát cuối kỳ; tiếp nhận và xử lý 09 hồ sơ đề nghị điều tra và rà soát mới. Hiện tại, trong số 29 vụ việc điều tra thì đang có 17 biện pháp PVTM có hiệu lực. Các biện pháp này đã góp phần bảo đảm môi trường thương mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và lao động, việc làm, bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội, tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 1,5 nghìn tỷ mỗi năm.

- Công tác kháng kiện: Tính đến hết tháng 10 năm 2024, đã có 267 vụ việc điều tra PVTM từ 25 thị trường và vùng lãnh thổ điều tra đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là các vụ việc điều tra chống bán phá giá (146 vụ việc), tiếp đó là các vụ việc tự vệ (54 vụ việc), chống lẫn tránh biện pháp PVTM (38 vụ việc) và chống trợ cấp (29 vụ việc). Bộ Công Thương đã cập nhật danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra PVTM, chống lẫn tránh PVTM gửi các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan để phối hợp theo dõi. Công tác cảnh báo sớm cũng như hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc PVTM do nước ngoài khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thời gian qua đã đem lại một số kết quả tích cực. Nhờ đó, các doanh nghiệp xuất khẩu không bị áp thuế PVTM hoặc bị áp thuế ở mức thấp, góp phần giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG CÁC THÁNG CUỐI NĂM

1. Về những thuận lợi và thách thức thời gian tới

Trong những tháng cuối năm, hoạt động xuất khẩu dự báo có nhiều thuận lợi và dư địa tăng trưởng do lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt, nhu cầu thị trường quốc tế đang trên đà hồi phục theo làn sóng hạ lãi suất của các ngân hàng trung ương, cụ thể:

Kinh tế thế giới năm 2024 được dự báo là “hạ cánh an toàn”, tuy nhiên tăng trưởng kinh tế của một số đối tác lớn của Việt Nam có nhiều khác biệt.

Tình hình tài khóa - tiền tệ toàn cầu đang có dấu hiệu nói lỏng hơn khi các chính sách tài khóa tại nhiều quốc gia trở nên hỗ trợ tăng trưởng hơn; Quý III/2024 đánh dấu sự phục hồi tích cực của thương mại toàn cầu (mặc dù không đồng đều giữa các ngành và khu vực).

Xu hướng lạm phát toàn cầu đang dần hạ nhiệt mặc dù vẫn còn nhiều thách thức (ngày 18/9/2024, FED đã cắt giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm, lần đầu tiên sau hơn 4 năm nhằm kích cầu tiêu dùng, đầu tư, sản xuất kinh doanh; Ngày 07/11/2024, FED tiếp tục cắt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm, nói lỏng chính sách tiền tệ hơn nữa); sức ép lên tỷ giá USD/VND giảm khi FED cắt giảm lãi suất, góp phần giảm chi phí nhập khẩu.

Nhu cầu tiêu thụ cuối năm tại các thị trường lớn như Mỹ và EU sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, hàng tiêu dùng và dệt may (các nhà bán lẻ toàn cầu tăng cường dự trữ hàng hóa cho các dịp lễ lớn). Ngoài ra, xuất khẩu dệt may của nước ta sẽ được hưởng lợi trong ngắn hạn khi các đơn hàng xuất khẩu được dịch chuyển từ Bangladesh.

Thị trường các FTA tiếp tục có tác động tích cực, duy trì lợi thế của Việt Nam trong hoạt động thương mại, đầu tư...

Ở trong nước, các số liệu vĩ mô trong những tháng gần đây về tăng trưởng GDP, về chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), về chỉ số quản trị mua hàng (PMI),

về đơn hàng xuất khẩu, FDI giải ngân,... cũng cho thấy bức tranh xuất khẩu khả quan trong những tháng cuối năm 2024 (*trong tháng 10/2024, một số tổ chức quốc tế và ngân hàng nước ngoài đều điều chỉnh dự báo về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam theo hướng tăng lên*).

Cộng đồng doanh nghiệp đang quyết tâm tận dụng đà tăng trưởng xuất khẩu trong quý cuối của năm với lợi thế về thị trường, nhất là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Trong khi, nhu cầu của các thị trường nhập khẩu cuối năm có xu hướng tăng nhằm đáp ứng tiêu dùng dịp lễ Tết, đặc biệt nhu cầu đối với nhóm hàng may mặc, giày dép, điện tử và nông lâm thủy sản...

Tuy nhiên, cũng còn nhiều rủi ro và thách thức khó đoán định:

- Diễn biến địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức, yếu tố rủi ro, bất định, đặc biệt là căng thẳng địa chính trị và xung đột vũ trang ở châu Âu, Trung Đông và bán đảo Triều Tiên có thể gây ra những đứt gãy trong chuỗi giá trị toàn cầu, từ đó có những tác động cả về mặt tiêu cực tới hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam.

- Thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục tác động nặng nề... làm tốc độ phục hồi kinh tế, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại;

- Các nước phát triển quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề phát triển bền vững, an toàn cho người tiêu dùng tạo nên những tiêu chuẩn, quy định mới liên quan đến chuỗi cung ứng, nguyên liệu, lao động, môi trường khắt khe hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu;

- Giá cước vận tải biển chưa có xu hướng hạ nhiệt; những tác động tiêu cực do các cơn bão số 3 và số 6 gây ra sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất công nghiệp và thương mại của nước ta trong thời gian tới.

Đặc biệt, việc ông Trump đắc cử Tổng thống Mỹ vào ngày 05/11/2024 được dự báo sẽ dẫn đến những tác động sâu rộng đối với kinh tế thế giới và Việt Nam do các quan điểm cứng rắn, mang tính bảo hộ cao có thể làm gia tăng các rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa của nước ta (*trong nhiệm kỳ trước, ông Trump là Tổng thống đầu tiên quyết định điều tra Việt Nam theo Điều 301*).

Ở trong nước, sức cầu tiêu dùng phục hồi chậm, có xu hướng chậm dần tiếp tục ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh (tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng (nếu loại trừ yếu tố giá) chỉ tăng 4,6% so với cùng kỳ, lần đầu tiên xuống dưới 5%, thấp nhất từ đầu năm đến nay⁴ và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023 và giai đoạn 2015-2019⁵).

⁴ TMBLHH & DTDVTD tháng 01 tăng 5,8% so với cùng kỳ; 02 tháng tăng 5%, 03 tháng tăng 5,1%, 04 tháng tăng 5,3%, 05 tháng tăng 5,2%, 06 tháng tăng 5,7%, 07 tháng tăng 5,2%, 08 tháng tăng 5,3%, 09 tháng tăng 5,8%, 10 tháng tăng 4,6%.

⁵ TMBLHH & DTDVTD 10 tháng 2024 (loại trừ yếu tố giá) tăng 4,6%, năm 2023 tăng 7,3%, năm 2019 tăng 9,4%, năm 2018 tăng 8,9%, năm 2017 tăng 8,8%, năm 2016 tăng 9%, năm 2015 tăng 9,7%.

2. Nhiệm vụ, giải pháp những tháng cuối năm 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2024, trong thời gian tới ngành Công Thương sẽ tập trung triển khai các nhiệm vụ như sau:

2.1. Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ. Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc, đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; chủ động phối hợp xử lý công việc gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động, tạo chuyển biến mạnh trong toàn hệ thống.

2.2. Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng thể chế. Triển khai hiệu quả các Kế hoạch thực hiện Quy hoạch ngành quốc gia trong lĩnh vực năng lượng, khoáng sản đã được phê duyệt; Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp có tính nền tảng. Hoàn thành có chất lượng và đúng thời hạn các nhiệm vụ được giao tại Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của ngành Công Thương năm 2024, đặc biệt là các dự án sửa đổi, bổ sung các luật và các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành. Đồng thời, khẩn trương hoàn tất trình Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực năng lượng (điện, xăng dầu).

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm cơ cấu lại ngành Công Thương dựa trên nền tảng của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm, khơi thông rào cản về thủ tục hành chính để triển khai các dự án sản xuất, khai khoáng mới, góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh, nhất là tập những khó khăn của doanh nghiệp do ảnh hưởng của các cơn bão, đặc biệt là cơn bão số 3 và số 6 để đưa các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho sản xuất, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

2.4. Tích cực tham mưu tổng kết cơ chế, chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là việc thực hiện chính sách thu hút đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm khuyến khích, ràng buộc các doanh nghiệp FDI có sự lan tỏa, chia sẻ, hỗ trợ thực chất các doanh nghiệp trong nước để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng quản trị, hình thành các chuỗi cung ứng vật tư, nguyên liệu và cụm liên kết ngành, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt để từng bước tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

2.5. Tập trung khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực và ký kết, triển khai các Hiệp định mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng. Tăng cường khai thác các thị trường lân cận, còn tiềm năng, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu, thúc đẩy xuất khẩu bền vững. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm củng cố thể chế về phòng vệ thương mại hướng tới bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Tiếp tục nâng cao việc sử dụng hiệu quả công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước và hỗ trợ hiệu quả các ngành xuất khẩu của Việt Nam ứng phó hiệu quả các vụ việc phòng vệ thương mại của nước ngoài.

2.6. Phát triển mạnh thương mại nội địa để khai thác có hiệu quả thị trường trong nước; tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường, bảo đảm đủ nguồn cung các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu người dân, nhất là trong các dịp cao điểm lễ, Tết, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành trong việc tham mưu điều hành giá các mặt hàng do nhà nước quản lý giá, trong đó có mặt hàng xăng dầu nhằm bảo đảm cung ứng xăng dầu trên thị trường, góp phần kiểm soát lạm phát chung theo mục tiêu của Chính phủ. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử để khai thác hiệu quả hơn sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế; tăng cường hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ, cạnh tranh không bình đẳng. Triển khai Luật Cạnh tranh, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng... nhằm bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh, bình đẳng cho doanh nghiệp, quyền lợi của người tiêu dùng.

2.7. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các nhà máy điện trong thời gian tới (Công điện số 7287/CĐ-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2024). Theo đó, các nhà máy điện cần có kế hoạch bảo dưỡng, duy tu hợp lý, khắc phục kịp thời sự cố các tổ máy để có thể phát tối đa công suất; Đảm bảo cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào (điện, than, khí) để phục vụ cho nhu cầu phát điện; Tiếp tục đảm bảo tiến độ hoàn thành các công trình về nguồn và lưới điện truyền tải; Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và đẩy mạnh công tác truyền thông về tiết kiệm điện.

2.8. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để bảo đảm nguồn cung xăng dầu trong nước: Thực hiện nghiêm túc các Công điện của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp. Theo dõi sát tình hình thực hiện tổng nguồn tối thiểu của các thương nhân đầu mối, nhất là những thương nhân thực hiện đạt thấp; phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố điều tiết, đảm bảo cân đối cung cầu xăng dầu trên từng địa bàn, trường hợp

cần thiết điều chuyển tổng nguồn tối thiểu từ các thương nhân không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện cho các thương nhân đầu mối khác nhằm đảm bảo cung cầu trên thị trường. Chỉ đạo các thương nhân kinh doanh xăng dầu chủ động sản xuất, nhập khẩu bảo đảm cung cấp đầy đủ xăng dầu cho thị trường trong nước trong mọi tình huống; thực hiện nghiêm túc tổng nguồn xăng dầu tối thiểu năm 2024 được phân giao và dự trữ xăng dầu theo quy định; thực hiện nghiêm túc việc báo cáo kế hoạch sản xuất, nhập khẩu, mua xăng dầu của các nhà máy Lọc dầu, dự trữ lưu thông (trong quá trình thực hiện nếu có nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Bộ Công Thương để kịp thời có giải pháp xử lý); tuyệt đối không để gián đoạn nguồn cung xăng dầu trong hệ thống kinh doanh (từ đầu mối, thương nhân phân phối, doanh nghiệp bán lẻ)/.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, KHTC (Loc).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Phan Thị Thắng